|  |  |
| --- | --- |
| ***TIẾT 137, 138:***  | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II** **(Thời lượng: 02 tiết)** |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập, giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối kì II.

**2. Phẩm chất**

Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

 **1. Giáo viên**

 - Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

 - Thiết kể bài giảng điện tử.

 - Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

 + Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

 + Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**2. Học sinh.**

 Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 112 -117/SGK) vào vở soạn bài.

**C. TỖ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

 **ÔN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC – VIẾT- NÓI VÀ NGHE – TIẾNG VIỆT**

**a) Mục tiêu**:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức về kĩ năng đọc hiểu văn bản, kĩ năng viết, kĩ năng nói và nghe, tiếng Việt ở học kì II.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc nhóm

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

\*GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 112 - 117/SGK) của HS (GV đã giao làm trước ở nhà).

\*Tiến hành ôn tập:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV chia lớp thành 04 nhóm: Thảo luận nhóm các nội dung ôn tập:**

* **Nhóm 1**: Nội dung đọc – hiểu văn bản (Câu hỏi 1, 2, 3)
* **Nhóm 2**: Nội dung đọc – hiểu văn bản (Câu hỏi 4, 5)
* **Nhóm 3**: Nội dung viết (Câu hỏi 6, 7, 8)
* **Nhóm 4:** Nội dung nói và nghe; tiếng Việt (Câu hỏi 9, 10)

**Lưu ý**:

* HS đã làm cá nhân trước tất cả các câu hỏi ôn tập ở nhà, do đó GV yêu cầu HS dành chủ yếu thời gian để trao đổi, thảo luận trong nhóm và báo cáo sản phẩm.
* Hình thức trình bày sản phẩm học tập:

+ **Câu 1, 2:** Có thể gộp chung vào phiếu học tập sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thể loại | Tên văn bản | Nội dung chính của văn bản |
| 1. Truyện đồng thoại
 | Văn bản 1:……. | …………………………. |
| Văn bản 2:….. | …………………………. |
| Văn bản 3: ……. | …………………………. |
| 1. …….
 |  |  |

+ **Câu 3**: Hoàn thành Phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| Thể loại | Chú ý về cách đọc |
| 1. Truyện đồng thoại
 |  |
| 2……………… |  |
|  |  |
|  |  |

+ **Câu 4:** Hoàn thành theo Phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Tập | Các văn bản  | Sự khác biệt về **đặc điểm hình thức**của thể loại ở hai tập sách |
| **Truyện** | Tập 1  | ………………….. | ………………….. |
| Tập 2 | ………………….. |  |
| **Thơ** | Tập 1  | …………………. | …………………. |
| Tập 2 | …………………. |  |

+ **Câu 5:** Hoàn thành Phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thể loại | Tập | Các văn bản  | Sự khác biệt về **nội dung đề tài** của thể loại ở hai tập sách |
| **Văn bản nghị luận** | Tập 1  | ………………….. | ………………….. |
| Tập 2 | ………………….. |  |
| **Văn bản thông tin** | Tập 1  | …………………. | …………………. |
| Tập 2 | …………………. |  |

+ **Câu 6, 7:** Có thể gộp chung thành Phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài học (Học kì II) | Nội dung đọc hiểu | Yêu cầu phần viết(kiểu văn bản được luyện viết) | Mối quan hệ giữa nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết |
| Bài 6 |  |  |  |
| Bài 7 |  |  |  |
| Bài 8 |  |  |  |
| Bài 9 |  |  |  |
| Bài 10 |  |  |  |

**+ Câu 9:** Hoàn thành Phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bài học (Học kì II) | Yêu cầu đọc và viết | Yêu cầu kĩ năng nói và nghe | Mối quan hệ giữa giữa kĩ năng nói và nghe với yêu cầu đọc, viết |
| Bài 6 |  |  |  |
| Bài 7 |  |  |  |
| Bài 8 |  |  |  |
| Bài 9 |  |  |  |
| Bài 10 |  |  |  |

**+ Câu 10:** Hoàn thành phiếu học tập sau**:**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài học(Học kì II) | Nội dung tiếng Việt |
| Bài 6 |  |
| Bài 7 |  |
| Bài 8 |  |
| Bài 9 |  |
| Bài 10 |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* Các nhóm tiến hành thảo luận, hoàn thành sản phẩm học tập ra (các) phiếu học tập của nhóm.
* GV quan sát, giúp đỡ (nếu cần).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

* Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm đã thảo luận.
* Các HS hoặc các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét sản phẩm học tập của các nhóm.

Chốt kiến thức (GV chốt luôn kiến thức sau mỗi nội dung ôn tập rồi mới chuyển sang nội dung ôn tập mới):

**Câu 1: Thống kê tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 6, tập hai.**

**Câu 2: Nêu nội dung chính của các văn bản đọc hiểu trong  sách Ngữ văn 6, tập hai.**

**🡺Gộp câu 1, câu 2 thành Phiếu học tập sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Tên văn bản** | **Nội dung chính của văn bản** |
| **Truyện** **(**truyện đồng thoại, truyện Puskin, truyện An-đéc-xen) | *Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)* | - Kể về chú Dế Mèn kiêu căng, hống hách nhưng biết ân hận trước những việc làm không đúng. - Đem đến bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |
| *Ông lão đánh cá và con cá bàng (Pu-skin)* | Thông qua câu chuyện của ông lão đánh cá hiền lành song nhu nhược cùng mụ vợ tham lam, độc ác, truyện ca ngợi lòng nhân hậu, sự đền đáp dành những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc. |
| *Cô bé bán diêm (An-đéc-xen)* | Qua câu chuyện về cô bé bán diêm nghèo khổ, cô đơn và bất hạnh trong đêm giao thừa, tác giả muốn gửi gắm thông điệp giàu tính nhân văn: hãy yêu thương và hãy để trẻ thơ được sống trong hạnh phúc. |
| **Thơ**(thơ có yếu tố tự sự, miêu tả) | *Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ)* | Qua câu chuyện về một đêm không ngủ của Bác trên đường đi chiến dịch, bài thơ đã thể hiện tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân, tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ.  |
| *Lượm (Tố Hữu)* | Hình ảnh hồn nhiên, dũng cảm của chú bé liên lạc và tình cảm sâu nặng của nhà thơ với chú bé. |
| *Gấu con chân vòng kiềng (*U-xa-chốp) | Bài thơ khẳng định ngoại hình không quan trọng và đem đến bài học không nên đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài. Mỗi người hãy tự tin về những giá trị của bản thân. |
| **Văn nghị luận**(nghị luận xã hội) | *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* | Động vật có vai trò vô cùng quan trọng với con người và môi trường sinh thái. **-** Chúng ta cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất. |
| *Khan hiếm nước ngọt* | Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt. |
| *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* | Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con. |
| **Truyện**(truyện ngắn) | *Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh)* | * Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình.
* Truyện có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, đặc biệt với lứa tuổi học sinh phải biết vượt lên sự hạn chế của bản thân để hướng tới điều hoàn thiện về nhân cách.
 |
| *Điều không tính trước (Nguyễn Nhật Ánh)* | Truyện ca ngợi, đề cao tình cảm vô tư, trong sáng của tình bạn. Qua đó, truyện đem đến bài học về cách ứng xử điềm tĩnh, tích cực khi giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ bạn bè.  |
| *Chích bông ơi! (Cao Duy Sơn)* | Câu chuyện giàu ý nghĩa giáo dục con người về lòng nhân hậu, yêu thương động vật. Đồng thời nhắn nhủ mọi người phải suy nghĩ kĩ trước khi hành động để không hối hận. |
| **Văn bản thông tin**(thuật lại sự kiện theo nguyên nhân - kết quả) | *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng* | - Ghi lại quá trình ra đời của bài hát Như có Bác trong ngày đại thắng.- Cho thấy tài năng, tình yêu Tổ quốc sâu sắc của nhạc sĩ Phạm Tuyên.- Thể hiện niềm cảm mến, trân trọng của tác giả với bài hát và người nghệ sĩ tài hoa Phạm Tuyên. |
| *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?* | - Những nguyên nhân chính giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng.- Thái độ trân trọng, ngưỡng mộ và khâm phục của tờ báo Smmsport đối với bóng đá Việt Nam. |
| *Những phát minh "tình cờ và bất ngờ"* | - Sự ra đời không ngờ đến của một số phát minh.- Dù là phát minh ra đời sau quá trình nghiên cứu dài lâu hay do tình cờ bất ngờ, nếu đem lại giá trị cho cuộc sống con người thì đều đáng được trên trọng. |

**Câu 3: Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc các thể loại ở học kì II:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Chú ý về cách đọc** |
| **Truyện** (Truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin, truyện An-đéc-xen) | - Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính.- Nhận biết được loài vật được tác giả nhân hoá trong truyện.- Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật trong truyện vừa có đặc điểm của loài vật, vừa có tính cách như con người.- Rút ra được bài học cho bản thân. |
| **Thơ** (Thơ có chứa yếu tố tự sự, miêu tả | - Xác định được lời người kể chuyện- Xác định được các nhân vật và sự kiên, chi tiết miêu tả gắn với từng nhân vật- Hiểu được mối quan hệ giữa các chi tiết; sự vận động của cốt truyện và cảm xúc.- Có kĩ năng suy luận để nhận biết được những thông tin hàm ẩn. |
| **Văn nghị luận** (nghị luận xã hội) | - Nhận biết vấn đề mà tác giả nêu trong văn bản.- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ ý kiến.- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,…)- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đặt ra với mọi người.- Nhận biết được thái độ, tình cảm của người viết thể hiện trong văn bản. |
| **Truyện ngắn** | - Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính.**-** Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí,, hành động và lời nói.- Nhận biết được lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; tình cảm của nhà văn.- Rút ra đề tài, chủ đề của truyện.**-**  Rút ra được bài học cho bản thân. |
| **Văn bản thông tin** (thuật lại sự kiện theo nguyên nhân – kết quả) | - Chỉ ra sự kiện được nêu trong văn bản và mục đích của người viết văn bản đó.- Nhận biết được trật tự triển khai nội dung thông tin (theo mối quan hê nguyên nhân – kết quả)- Nêu được đặc điểm và tác dụng của hình thức trình bày văn bản (nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản; phần chữ và phần hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu,…)- Hiểu được sự liên quan của vấn đề nêu lên trong văn bản đối với cuộc sống cộng đồng và cá nhân người đọc. |

**Câu 4: Thống kê các văn bản văn học (truyện, thơ) đã học ở hai tập sách Ngữ văn 6. Từ đó, nhận xét sự khác biệt về đặc điểm hình thức của mỗi thể loại ở hai tập sách.**

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Tập** | **Tên văn bản** | **Sự khác biệt về đặc điểm hình thức của thể loại ở hai tập sách** |
| **Truyện** |  Tập 1 | *Thánh Gióng* | Hướng đến thể loại truyền thuyết, cổ tích |
| *Thạch Sanh* |
| *Sự tích Hồ Gươm* |
| Tập 2 | *Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)* | Hướng đến thể loại truyện đồng thoại và truyện ngắn. |
| *Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin)* |
| *Bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh)* |
| *Điều không tính trước (Nguyễn Nhật Ánh)* |
| *Chích bông ơi! (Cao Duy Sơn)* |
| **Thơ** | Tập 1 | *À ơi tay mẹ (Bình Nguyên)* | Tập trung vào thể loại lục bát. |
| *Về thăm mẹ (Đinh Nam Khương)* |
| *Ca dao Việt Nam* |
| Tập 2 | *Đêm nay Bác không ngủ (Minh Huệ)* | Tập trung vào thơ có yếu tố tự sự, miêu tả. |
| *Lượm (Tố Hữu)* |
| *Gấu con chân vòng kiềng (U-xa-chốp)* |

**Câu 5: Thống kê các văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã học ở hai tập sách Ngữ văn 6. Từ đó, nhận xét sự khác biệt về nội dung đề tài của mỗi loại văn bản ở hai tập sách.**

**Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Tập** | **Tên văn bản** | **Sự khác biệt về nội dung đề tài của thể loại ở hai tập sách** |
| **Văn bản nghị luận** | Tập 1 | *Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ* (Nguyễn Đăng Mạnh) | Văn bản nghị luận văn học. |
| *Thánh Gióng- tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước* (Bùi Mạnh Nhị) |
| *Vẻ đẹp của một bài ca dao* (Hoàng Tiến Tựu) |
| Tập 2 | *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?(Theo* Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du) | Văn bản nghị luận xã hội. |
| *Khan hiếm nước ngọt* (Theo Trịnh Văn) |
| *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà*?(theo Thuỳ Dương) |
| **Văn bản thông tin** | Tập 1 | *Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ* | Sự kiện được thuật lại theo trật tự thời gian. |
| *Hồ Chí Minh và "Tuyên ngôn Độc lập"* (Bùi Đình Phong*)* |
| *Giờ Trái Đất* |
| Tập 2 | *Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng (theo Nguyệt Cát)* | Sự kiện được thuật lại theo mối quan hệ nguyên nhân - kết quả. |
| *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?* |
| *Những phát minh " tình cờ và bất ngờ"* |

**Câu 6: Thống kê tên các kiểu văn bản đã được luyện viết trong  sách Ngữ văn 6, tập 2.**

**Câu 7: Nêu và chỉ ra mối quan hệ giữa các nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết trong các bài ở sách Ngữ văn 6, tập hai.
=>Gộp câu 6, câu 7 thành Phiếu học tập chung:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** **(Học kì II)** | **Nội dung đọc hiểu** | **Yêu cầu phần viết****(kiểu văn bản được luyện viết)** | **Mối quan hệ giữa nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết** |
| **Bài 6** | Truyện (Truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin, truyện của An-đéc-xen) | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ  (văn tự sự) | * Đọc hiểu văn bản truyện giúp chúng ta biết cách phải xác định nhân vật, cốt truyện, các sự việc tiêu biểu khi viết bài văn tự sự (kể lại trải nghiệm đáng nhớ).
* Nội dung của văn bản đọc hiểu “Bài học đường đời đầu tiên” cũng là minh hoạ cho việc kể lại trải nghiệm đáng nhớ.
 |
| **Bài 7** | Thơ (thơ có yếu tố tự sự, miêu tả) | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả (văn biểu cảm) | * Đọc hiểu văn bản thơ có yếu tố tự sự, miêu tả giúp HS có nắm rõ được nội dung và nghệ thuật của văn bản thơ, để từ đó phục vụ cho việc viết đoạn văn nêu cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự , miêu tả (suy nghĩ, cảm xúc về đặc sắc nội dung và nghệ thuật bài thơ)
 |
| **Bài 8** | Văn bản nghị luận (nghị luận xã hội) | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống (văn nghị luận) | * Các văn bản đọc hiểu trong bài 8 là những văn bản trình bày ý kiến của tác giả về một hiện tượng đời sống: *việc đối xử với động vật; việc sử dụng nước ngọt; việc nuôi các vật nuôi trong nhà.*
* Thông qua đọc hiểu các văn bản thông tin, HS học được cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục, bảo vệ ý kiến của mình, từ đó phục vụ cho việc viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.
 |
| **Bài 9** | Truyện (truyện ngắn) | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt(văn miêu tả) | Đọc hiểu văn bản truyện ngắn sẽ giúp ta học tập được cách sử dụng yếu tố miêu tả trong viết văn, giúp ích cho viết bài văn tả cảnh sinh hoạt theo phương thức miêu tả. |
| **Bài 10** | Văn bản thông tin (thuật lại một sự kiện theo nguyên nhân – kết quả) | Tóm tắt văn bản thông tin, Viết biên bản | * Đọc hiểu văn bản thông tin để nắm được cách triển khai thông tin của văn bản, từ đó sẽ có hướng tóm tắt khi thực hành.
 |

**Câu 8: Chỉ ra ý nghĩa và tác dụng của việc tạo lập một văn bản có minh hoạ hình ảnh, bảng biểu, đồ thị,... (văn bản đa phương thức).**

**Gợi ý:**

- Tạo điều kiện để học sinh động não, sáng tạo, từ đó kích thích hứng thú học tập và khả năng sáng tạo của học sinh để khám phá kiến thức của học sinh.

- Phát huy tối đa tiềm năng ghi nhớ của bộ não.

**Câu 9: Nêu các yêu cầu rèn luyện kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ văn 6, tập hai. Các yêu cầu này có mối quan hệ thế nào với yêu cầu đọc và viết?**

**Gợi ý**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài học (Học kì II) | Yêu cầu đọc | Yêu cầu đọc và viết | Yêu cầu kĩ năng nói và nghe | Mối quan hệ giữa giữa kĩ năng nói và nghe với yêu cầu đọc, viết |
| Bài 6 | Truyện (Truyện đồng thoại, truyện của Pu-skin, truyện của An-đéc-xen) | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ  (văn tự sự) | Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ | Đề tài của bài nói nghe trùng với đề tài của phần viết. |
| Bài 7 | Thơ (thơ có yếu tố tự sự, miêu tả) | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả (văn biểu cảm) | Trình bày ý kiến về một vấn đề | Đề tài của bài nói nghe chính là các vấn đề của đời sống được rút ra từ các văn bản đọc hiểu. |
| Bài 8 | Văn bản nghị luận (nghị luận xã hội) | Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống (văn nghị luận) | Trình bày bày ý kiến về một hiện tượng đời sống | Đề tài bài nói nghe trùng với đề tài của bài viết. |
| Bài 9 | Truyện (truyện ngắn) | Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt(văn miêu tả) | Thảo luận nhóm về một vấn đề về một vấn đề trong cuộc sống. | Đề tài của bài nói nghe là các vấn đề được rút ra từ các nội dung học tập hoặc từ các văn bản đọc hiểu. |
| Bài 10 | Văn bản thông tin (thuật lại một sự kiện theo nguyên nhân – kết quả) | Tóm tắt văn bản thông tin, Viết biên bản | Thảo luận nhóm về một vấn đề về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc/sự kiện. | Đề tài của bài nói cùng dạng đề tài với các văn bản đọc hiểu. |

 =>Như vậy, nếu HS rèn luyện tốt kĩ năng đọc hiểu văn bản theo thể loại sẽ giúp phục vụ tốt cho kĩ năng nói và nghe các đề tài cùng đề tài hoặc dạng đề tài với văn bản đọc – hiểu.

**Câu 10: Liệt kê tên các nội dung tiếng Việt được học trong  sách Ngữ văn 6, tập hai.**

|  |  |
| --- | --- |
| Bài học(Học kì II) | Nội dung tiếng Việt |
| Bài 6 | Mở rộng chủ ngữ bằng cụm từ. |
| Bài 7 | Biện pháp tu từ hoán dụ |
| Bài 8 | Từ Hán Việt |
| Bài 9 | Trạng ngữ |
| Bài 10 | Dấu ngoặc kép, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1. Hoàn thành các bảng hệ thông kiến thức học kì II.

2. Hoàn thành bài viết ở mục II. Viết (Tr 117/SGK)

3. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng cuối học kì II.

 **C. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 6 – *Cánh diều*

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet